***Chuyên đề: ĐỘNG TỪ - CỤM ĐỘNG TỪ***

- Thời gian: 10/12/2020

- Địa điểm: Phòng học lớp 6A

- Thành phần: BGH, nhóm chuyên môn Văn – Sử

**I. XÂY DỰNG CHUYÊN ĐỀ DẠY HỌC**

**1. Xác định tên và thời lượng thực hiện chuyên đề:**

- Tên chuyên đề: Động từ - Cụm động từ

- Thời lượng 2 tiết, gồm 2 bài:

+ Tiết 56 - Động từ

+ Tiết 57 - Cụm động từ.

**2. Xác định mục tiêu chung của chuyên đề:**

**2.1. Kiến thức:**

- Biết được khái niệm động từ:

+ Ý nghĩa khái quát của động từ.

+ Đặc điểm ngữ pháp của động từ (khả năng kết hợp của động từ, chức vụ ngữ pháp của động từ).

- Các loại động từ.

- Nghĩa của cụm động từ.

- Chức năng ngữ pháp của cụm động từ.

- Cấu tạo đầy đủ của cụm động từ.

- Ý nghĩa của phụ ngữ trước và phụ ngữ sau trong cụm động từ.

**2.2. Kĩ năng:**

- Nhận biết được động từ, cụm động từ trong câu.

- Phân biệt động từ tình thái và động từ chỉ hoạt động, trạng thái.

- Sử dụng động từ, cụm động từ để đặt câu.

**2.3. Thái độ:**

- Ý thức sử dụng động từ trong khi nói và viết.

**2.4. Năng lực, phẩm chất cần đạt:**

- Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác, tự học.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ.

**II. BIÊN SOẠN CÂU HỎI/BÀI TẬP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| ? Nhận biết hình ảnh trong các bức tranh GV chiếu ở phần khởi động.  ? Xác định động  từ, cụm động từ trong các ví dụ.  ? Xác định đúng chức vụ điển hình của động từ, cụm động từ trong câu.  ? Xác định đúng cấu tạo của cụm động từ. | ? Ý nghĩa mà các động từ trong ví dụ thể hiện.  ? Ý nghĩa của các phụ ngữ đi kèm trong cụm động từ.  ? Chỉ ra sự khác biệt giữa động từ và danh từ.  ? Đưa các cụm động từ vào mô hình cụm động từ.  ? So sánh cấu tạo và ý nghĩa giữa động từ với cụm động từ. | ? Đặt các câu có sử dụng động từ với các hình ảnh đó.  ? Đặt câu có sử dụng động từ, cụm động từ. | ? Viết đoạn văn theo các chủ đề yêu cầu trong đó có sử dụng động từ, cụm động từ. |

**III. THIẾT KẾ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

***1. Hoạt động khởi động:***

***-*** GV chiếu hình ảnh.

- H quan sát, đặt câu với các hình ảnh đó.

- GV dẫn vào bài.

***2. Hoạt động hình thành kiến thức:***

**Hoạt động 1: I. Đặc điểm của động từ:**

**1. Khái niệm:**

**\* Ví dụ 1: SGK/T145**

**\* Ví dụ 2:**

a. Lọ hoa bị vỡ.

b. Mẹ em bị ốm.

**HĐCĐ:**

*? Tìm những động từ trong ví dụ 1 và 2?*

*? Các động từ em tìm được ở ví dụ 1,2 có ý nghĩa chỉ điều gì?*

- VD 1:

a. Đi, đến, ra, hỏi.

b. Lấy, làm, lễ.

c. Treo, có, xem, cư­ời, bảo, bán, đề.

=> Chỉ hành động.

- VD 2:

a. Lọ hoa bị vỡ.

b. Mẹ em bị ốm.

=> Chỉ trạng thái.

*? Vậy theo em thế nào là động từ.*

⭢***Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.***

*? Đặt câu có động từ?*

**Ví dụ:**

- Mẹ đi làm => Chỉ hành động

- Em đau chân => Chỉ trạng thái

**2.** **Khả năng kết hợp:**

*? Quan sát ví dụ ở bảng phụ và cho biết động từ có thể kết hợp được với những từ nào đứng trước?*

- HS xác định.

VD:

- Em hãy làm bài này.

- Lan đang học bài.

*? Những từ đó thuộc từ loại gì?*

- Phó từ chỉ sự tiếp diễn, ra lệnh.

*? Qua ví dụ vừa tìm hiểu, em hãy rút ra kết luận về khả năng kết hợp của động từ?*

***- Động từ kết hợp với: đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng,… (các phó từ) để tạo cụm động từ.***

**3. Chức vụ ngữ pháp:**

*? Tìm một động từ, đặt câu với động từ đó? Xác định thành phần câu?*

- HS lấy VD và xác định.

*? Động từ giữ chức vụ ngữ pháp gì trong câu?*

***- Chức vụ điển hình của động từ là làm vị ngữ trong câu.***

*? Có khi nào động từ giữ chức vụ chủ ngữ không? Cho ví dụ. Nhận xét về khả năng kết hợp của động từ khi làm chủ ngữ?*

***- Khi động từ làm chủ ngữ thì sẽ mất khả năng kết hợp với các từ đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng,... (mất khả năng kết hợp với phó từ).***

*? Chỉ ra sự khác biệt giữa động từ và danh từ?*

- Danh từ không kết hợp: sẽ, đang, cũng,vẫn, hãy, chớ, đừng. Danh từ làm chủ ngữ.

***\* Lưu ý: Động từ không kết hợp với lượng từ, số từ: Một làm, hai làm...***

**\* Ghi nhớ:** **SGK/T146.**

- HS đọc ghi nhớ.

**Hoạt động 2 - II. Các loại động từ chính:**

? Xếp các động từ vào bảng?

(GV treo bảng phụ, chép động từ vào giấy, học sinh lên bảng dán)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Thường đòi hỏi các ĐT khác đi kèm ở phía sau** | **Không đòi hỏi các ĐT khác đi kèm ở phía sau** |
| Trả lời câu hỏi làm gì? |  | chạy, cười, đứng, hỏi, đọc, ngồi. |
| Trả lời câu hỏi làm sao, thế nào? | Dám, toan, định | buồn, vui, nhức, nứt, gãy, đau, yêu, ghét. |

*? Dựa vào bảng phân loại, em hãy cho biết động từ có mấy loại chính? Là những loại nào?*

***⭢ Dựa vào vị trí trong cụm động từ và ý nghĩa khái quát của từ, động từ được chia làm hai loại:***

***- Động từ tình thái (thường đòi hỏi động từ khác đi kèm).***

***- Động từ chỉ hành động, trạng thái (không đòi hỏi động từ khác đi kèm.***

*? Động từ chỉ hành động trạng thái lại có thể chia thành những loại nhỏ nào?*

***- Động từ chỉ hành động, trạng thái chia thành hai loại nhỏ:***

***+ Động từ chỉ hành động (trả lời câu hỏi Làm gì?)***

***+ Động từ chỉ trạng thái (trả lời các câu hỏi Làm sao?, Thế nào?)***

**\* Ghi nhớ: SGK/T146.**

- HS đọc ghi nhớ.

**Hoạt động 3 – III. Cụm động từ là gì?**

**1. Khái niệm:**

**\* Ví dụ: SGK/T147**

GV chiếu VD.

HS đọc VD.

**HĐCĐ:** Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho từ nào? Các từ được bổ sung ý nghĩa đó thuộc từ loại gì?

- **đã** *đi* **nhiều nơi**

ĐT

- **cũng** *ra* **những câu đố oái oăm**

ĐT

- **để**  *hỏi* **mọi người**

ĐT

GV: Các ngữ trên chính là cụm động từ.

? Vậy cụm động từ là gì?

***- Cụm động từ: là loại tổ hợp từ do động từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.***

? Thử bỏ các từ ngữ in đậm ở các ví dụ trên được không? Vì sao?

- Không thể bỏ. Vì nếu bỏ các từ ngữ in đậm thì câu vô nghĩa.

GV: Không bỏ được. Vì các sắc thái ý nghĩa về thời gian, địa điểm, đối tượng mà động từ biểu thị bi mất -> nội dung thông báo thay đổi.

***- Nhiều động từ phải có các từ ngữ phụ thuộc đi kèm, tạo thành cụm động từ mới trọn nghĩa.***

**GV:** Phụ ngữ có vai trò rất quan trọng trong cụm động từ.

GV cho một động từ “học”.

**HĐCĐ:** Em hãy thêm phụ ngữ ở phía trước và phía sau từ “học” để tạo thành *cụm động từ*? So sánh động từ với cụm động từ về cấu tạo và ý nghĩa?

- Động từ: “ ***học***”

- Cụm động từ: đang học bài.

***⭢Cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình động từ.***

***2. Chức vụ ngữ pháp:***

? Đặt câu với cụm động từ nêu trên và xác định cấu trúc ngữ pháp?

GV cho học sinh xác định cấu tạo ngữ pháp trong câu sau và rút nhận xét.

*Học bài, chuẩn bị bài là nhiệm vụ của học sinh trước khi đến lớp.*

HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi.

Ví dụ:

Nga /đang học bài.

C V

***⭢Làm vị ngữ trong câu.***

VD: Học bài, chuẩn bị bài/ là nhiệm vụ của học sinh trước khi đến lớp.

C V

***⭢Làm chủ ngữ: Cụm động từ không có phụ ngữ trước.***

**Hoạt động 4 – IV. Cấu tạo của cụm động từ:**

GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin phần Ghi nhớ/SGK-T148 và nêu những hiểu biết của bản thân về cấu tạo của cụm động từ.

***Cấu tạo đầy đủ của cụm động từ gồm: ba phần:***

***- Phụ trước:***

***+ Bổ sung cho động từ các ý nghĩa quan hệ thời gian: đã, đang, sẽ,…***

***+ Sự tiếp diễn tương tự: cũng, vẫn,…***

***+ Sự khuyến khích hoặc ngăn cản hành động: hãy, đừng, chớ,…***

***+ Sự phủ định hoặc khẳng định hành động: không, chưa chẳng,…***

***- Phần trung tâm: luôn là động từ.***

***- Phụ sau: Bổ sung cho động từ các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, mục đích, nguyên nhân, phương tiện, cách thức hành động,…***

? Căn cứ vào những hiểu biết vừa nêu em hãy thảo luận với bạn bên cạnh và đưa các cụm động từ tìm được trong VD phần khái niệm cụm động từ vào mô hình cụm động từ?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Phần trước*** | ***Phần trung tâm*** | ***Phần sau*** |
| đã | đi | nhiều/ nơi |
| cũng | ra | những/ câu đố/ oái oăm |

? Lấy VD về cụm động từ và đưa cụm động từ đó vào mô hình cụm động từ?

- HS thực hiện.

**\* Ghi nhớ: SGK/T148.**

HS đọc ghi nhớ.

***3. Hoạt động củng cố, luyện tập:***

GV chiếu yêu cầu - HS thảo luận nhóm lớn (7 phút) theo phiếu học tập.

**Nhóm 1:** Đọc *Lợn cưới, áo mới* để tìm động từ rồi xác định xem chúng thuộc loại động từ tình thái hay động từ chỉ hành động, trạng thái.

**Nhóm 2:** Đọc truyện *Thói quen dùng từ* và cho biết câu chuyện buồn cười ở chỗ nào?

**Nhóm 3:** Tìm các cụm động từ trong các câu sau và đưa các cụm động từ đó vào mô hình cụm động từ:

*a. Em bé còn đang đùa nghịch ở sau nhà.*

(Theo *Em bé thông minh*)

*b. Vua cha yêu thương Mị Nương hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.*

(Theo *Sơn Tinh, Thủy Tinh*)

*c. Cuối cùng, triều đình đành tìm cách giữ sứ thần ở công quán để có thì giờ đi hỏi ý kiến em bé thông minh nọ.*

(Theo *Em bé thông minh*)

**Nhóm 4:** Nêu ý nghĩa của các phụ ngữ được in đậm trong đoạn dưới đây. Việc dùng các phụ ngữ này trước động từ miêu tả hành động của người cha và viên quan nói lên điều gì về trí thông minh của chú bé trong truyện *Em bé thông minh*?

*Người cha đứng ngẩn ra* **chưa** *biết trả lời thế nào thì đứa con chừng bảy, tám tuổi nhanh miệng hỏi vặn lại quan […]. Viên quan nghe thấy cậu hỏi lại như thế thì há hốc mồm sửng sốt,* **không** *biết đáp sao cho ổn. Quan thầm nghĩ, nhất định nhân tài ở đây rồi, chả phải tìm đâu mất công.*

*(Em bé thông minh)*

**Đáp án:**

**Nhóm 1:**

a. Các động từ: có, khoe, may, đem, ra, mặc, đứng, hóng, đợi, thấy, hỏi, tức, tức tối, chạy, giơ, bảo.

b. Phân loại:

* Động từ chỉ tình thái: có (thấy)

- Động từ chỉ hành động, trạng thái: các ĐT còn lại.

**Nhóm 2:**

- Đọc truyện vui: Thói quen dùng từ, giải thích nguyên nhân gây cười

- Truyện buồn cười chính là ở chỗ thói quen dùng từ của anh chàng keo kiệt. Anh ta keo kiệt đến mức kiêng dùng cả những từ như đưa, cho, chỉ thích dùng những từ như cầm, lấy đây chính là thói quen dùng các ĐT.

**Nhóm 3:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần trước** | **Phần trung tâm** | **Phần sau** |
| Còn đang | đùa nghịch | ở sau nhà |
|  | yêu thương | Mị Nương hết mực |
| Đành | tìm | cách giữ…thông minh nọ |
|  | giữ | sứ thần để có thì giờ |
|  | đi | hỏi em bé … |

**Nhóm 4:** - Hai phụ ngữ “chưa”, “không” đều có ý nghĩa phủ định. “chưa” là phủ định tương đối, chỉ hành động còn có thể xảy ra, còn “không” là phủ định tuyệt đối chỉ hành động không thể xảy ra. Cách dùng hai từ này đều cho thấy sự nhanh trí thông minh của em bé. Cha chưa kịp suy nghĩ ra câu trả lời thì em bé đã đáp lại bằng một câu mà viên quan không thể trả lời được.

**\* Củng cố:**

a. Động từ chỉ hành động, trạng thái chia làm mấy loại nhỏ?

+ Động từ chỉ hành động (trả lời câu hỏi: làm gì?)

+ Động từ chỉ trạng thái (trả lời câu hỏi: làm sao?, thế nào?)

b. Động từ tính thái có đặc điểm gì?

- Đòi hỏi động từ khác đi kèm.

***4. Hoạt động vận dụng:***

- Viết đoạn văn với chủ đề: *Em được nhận quà của ông già Noel* trong đó có sử dụng động từ, cụm động từ.

***5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:***

- Đặt câu và xác định chức vụ ngữ pháp của động từ trong câu.

- Luyện viết chính tả một đoạn truyện đã học. Thống kê các động từ tình thái và động từ chỉ hành động, trạng thái trong bài chính tả.

- Đọc văn bản: “Con hổ có nghĩa”, tìm các cụm động từ, đưa chúng vào mô hình CĐT.

***6. Kiểm tra, đánh giá chuyên đề:***

***ĐỀ 1:***

**Bài 1: (2đ)** Tìm chỗ sai trong các câu sau và sửa lại cho đúng?

a. Bạn Vân đang nấu cơm nước.

b. Bác nông dân đang cày ruộng.

c. Mẹ cháu vừa đi chợ búa.

d. Em có một người bạn bè rất thân.

**Bài 2: (1đ)** Xác định từ loại của những từ được gạch chân dưới đây?

- Anh ấy đang ***suy nghĩ***.

- Những ***suy nghĩ*** của anh ấy rất sâu sắc.

- Anh ấy sẽ ***kết luận*** sau.

- Những ***kết luận*** của anh ấy rất chắc chắn.

- Anh ấy ***ước mơ*** nhiều điều.

- Những ***ước mơ*** của anh ấy thật lớn lao.

**Bài 3: (2đ)** Cho các từ: ***cánh đồng, tình thương***. Hãy đặt thành 2 câu (với mỗi từ) sao cho trong 2 câu đó mỗi từ nằm ở 2 bộ phận chính khác nhau?

**Bài 4:****(5đ)** Em hãy viết một đoạn văn (12-15 dòng) về chủ đề: ***Một ngày ở lớp tôi***, trong đó có sử dụng động từ/ cụm động từ. Gạch chân dưới động từ/ cụm động từ đó.

**Đáp án:**

**Bài 1:** Các từ ***cơm nước, ruộng nương, chợ búa, bạn*** ***bè*** đều có nghĩa khái quát, không kết hợp được với ĐT mang nghĩa cụ thể hoặc với từ chỉ số ít ở trước.

**Cách sửa**: Bỏ tiếng đứng sau của mỗi từ (***nước, nương, búa, bè***)

**Bài 2:**

Ý 1, 3, 5 là ĐT; Ý 2, 4, 6 là DT.

**Bài 3:**

**VD**: ***Cánh đồng*** rộng mênh mông. / Em rất yêu ***cánh đồng*** quê em.

**Bài 4:**

- Đảm bảo hình thức đoạn văn (12-15 dòng). (0,75đ)

- Bài viết đúng chính tả, ngữ pháp. (0,5đ)

- Lời văn có sự sáng tạo. (0,5đ)

- Đoạn văn theo đúng chủ đề: Một ngày ở lớp tôi. (1,5đ)

- Trong đoạn văn có sử dụng động từ/ cụm động từ. (1đ)

- Gạch chân được dưới động từ/ cụm động từ đã sử dụng trong đoạn văn. (0,75đ)

***ĐỀ 2:***

**Bài 1:** **(2đ)** Xác định và phân loại các ĐT trong các câu sau:

a. Anh dám làm không?

b. Nó toan về quê.

c. Nam Định đi Hà Nội.

d. Bắc muốn viết thư.

e. Đông phải thi lại.

g. Sơn cần học ngoại ngữ.

h. Hà nên đọc sách.

i. Giang đừng khóc

**Bài 2: (1đ)** Các từ gạch chân trong từng câu dưới đây bổ sung ý nghĩa gì cho ĐT đứng trước nó?

a. Tuy rét ***vẫn*** kéo dài nhưng mùa xuân ***đã*** đến.

b. Những cành cây ***đang*** trổ lá, lại ***sắp*** bung toả những tán hoa.

**Bài 3:** **(2đ)** Xác định DT, ĐT, TT của các câu sau:

- Bốn mùa một sắc trời riêng đất này.

- Non cao gió dựng sông đầy nắng chang.

- Họ đang ngược Thái Nguyên, còn tôi xuôi Thái Bình.

- Nước chảy đá mòn.

**Bài 4: (5đ)** Em hãy viết một đoạn văn (12-15 dòng) về chủ đề: ***Chú bộ đội***, trong đó có sử dụng động từ/ cụm động từ. Gạch chân dưới động từ/ cụm động từ đó.

**Đáp án:**

**Bài 1:**

+ ĐT tình thái: dám, định, muốn, phải, cần, nên, đừng.

+ ĐT hành động: làm, về, đi, viết, thi, học, đọc, khóc.

**Bài 2:**

- ***vẫn***: bổ sung ý nghĩa tiếp diễn.

- ***đó***: bổ sung ý nghĩa thời gian (quá khứ)

- ***đang***: bổ sung ý nghĩa thời gian (hiện tại)

- ***sắp***: bổ sung ý nghĩa thời gian trong tương lai)

**Bài 3:**

- DT: ***bốn mùa, sắc trời, đất, non, gió, sông, nắng, Thái Nguyên, Thái Bình, nước, đá.***

- ĐT: ***mòn, dựng, ngược, xuôi***.

- TT: ***riêng, đầy, cao.***

**Bài 4:**

- Đảm bảo hình thức đoạn văn (12-15 dòng). (0,75đ)

- Bài viết đúng chính tả, ngữ pháp. (0,5đ)

- Lời văn có sự sáng tạo. (0,5đ)

- Đoạn văn theo đúng chủ đề: Chú bộ đội. (1,5đ)

- Trong đoạn văn có sử dụng động từ/ cụm động từ. (1đ)

- Gạch chân được dưới động từ/ cụm động từ đã sử dụng trong đoạn văn. (0,75đ)

**IV. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ DỰ GIỜ**

- Người thể hiện: Phạm Thị Thuấn

- Tiết thứ 1 của chuyên đề.

- Dự kiến thời gian thực hiện: tiết 1, lớp 6A, ngày 10/12/2020

- Dự kiến thành phần dự giờ: BGH, nhóm chuyên môn Văn – Sử.

**V. PHÂN TÍCH, RÚT KINH NGHIỆM BÀI HỌC**

**1. Kế hoạch và tài liệu dạy học:**

1.1. Mức độ phù hợp của chuỗi *hoạt động học* với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng: Kế hoạch dạy học nêu rõ mục tiêu chuyên đề, các hoạt động chính phù hợp với mục tiêu dạy học đã đề ra.

1.2. Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi *nhiệm vụ học tập:* trong hoạt động hình thành kiến thức HS có trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập, hiểu được nội dung trả lời của phiếu học tập (HS khác hỏi HS trên bảng trả lời).

1.3. Mức độ phù hợp của *thiết bị dạy học và học liệu* được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh: Có tài liệu hướng dẫn cho từng HS, máy chiếu máy tính phụ phục vụ việc dạy học, phiếu học tập cho từng nhóm.

1.4. Mức độ hợp lí của phương án *kiểm tra, đánh giá* trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh:

- GV có tổ chức cho HS tự truy vấn lẫn nhau (câu trả lời giữa các cá nhân, cặp đôi, các nhóm trong một câu hỏi)

- GV có tổ chức cho HS đánh giá lẫn nhau giữa các nhóm như nhận xét, cho điểm,…

- GV kiểm tra khả năng áp dụng, vận dụng kiến thức của HS: hoàn thành phiếu học học tập, câu trả lời của HS.

**2. Tổ chức hoạt động học cho học sinh:**

2.1. Mức độ sinh động, hấp dẫn học sinh của phương pháp và hình thức chuyển *giao nhiệm vụ* học tập:

- GV có chuyển giao nhiệm vụ cho HS nhưng chưa sinh động.

- GV chưa tạo hứng thú cho HS, GV giao nhiệm vụ sau đó HS hoàn thành nhiệm vụ.

- Cách chuyển giao nhiệm vụ đôi khi còn hình thức, áp đặt.

2.2. Khả năng *theo dõi, quan sát, phát hiện* kịp thời những khó khăn của học sinh: - GV có quan sát tiến trình hoạt động để đánh giá hỗ trợ HS.

- GV đến từng nhóm kịp thời hỗ trợ khi HS gặp khó khăn

2.3. Mức độ phù hợp, hiệu quả của các *biện pháp hỗ trợ* và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập:

- GV đi từng nhóm nếu HS hỏi GV phải giải đáp ngay.

- Động viên từng nhóm để khuyến khích

- Có phát phiếu học tập.

2.4. Mức độ hiệu quả hoạt động của giáo viên trong việc *tổng hợp, phân tích, đánh giá* kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh:

- Những kiến thức quan trọng buộc GV phải chốt lại, không phó thác hoàn toàn cho HS, ngoài việc nhận xét về hoạt động của HS phải chốt lại chậm để HS có thể ghi được bài.

- Không phát sẵn những phiếu kiến thức để HS ghi bài trong vở.

**3. Hoạt động của học sinh:**

3.1. Khả năng *tiếp nhận và sẵn sàng* thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp: Tất cả HS trong lớp đều chú ý tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập mà giáo viên chuyển giao.

3.2. Mức độ *tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác* của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập:

- Sự tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập chỉ ở mức tương đối và ở một số ít các học sinh khá, giỏi.

- Số đông HS trong lớp khi nhận được các nhiệm vụ học tập đang dừng ở mức bắt buộc phải hoàn thành chứ chưa có sự tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác.

3.3. Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong *trình bày, trao đổi, thảo luận* về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập: Số ít học sinh tham gia tích cực, tự tin xung phong trình bày, trao đổi, thảo luận. Đa phần các em còn nhút nhát, rụt rè chưa dám thể hiện kết quả suy nghĩ của bản thân.

3.4. Mức độ *đúng đắn, chính xác, phù hợp* của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh: Đa số kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh đúng đắn, chính xác, phù hợp sau quá trình thảo luận, truy vấn, nhận xét lẫn nhau và sự giúp đỡ của GV.